

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2023
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh
2. Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Minh.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng K**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng K trình bày:* Chị và anh Phạm Văn S cưới nhau vào năm 2005, hôn nhân do đôi bên quen biết tìm hiểu nhau trước và được sự chấp thuận của gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 25/10/2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 03 năm. Có 01 con chung tên Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005, hiện sống với anh S. Tài sản chung: không có; vợ chồng không thiếu nợ ai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về

sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Phạm Văn S. Về con chung: Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005, chị yêu cầu giải quyết cho anh S được quyền nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023 anh Phạm Văn S trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Hồng K kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới, vợ chồng anh về sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; có một con chung tên Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005 hiện sống với anh. Thời gian sống chung anh và chị K không có tài sản chung; không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, quan điểm sống mỗi người khác nhau nên không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, ly thân từ khoảng năm 2006 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị K xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng K. Về con chung: Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005, hiện đang sống với anh nên anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị K không nợ ai và cũng không ai nợ anh và chị K.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2023 cháu Phạm Thị Huỳnh N trình bày:* trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 97, 98, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng K. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng K được ly hôn anh Phạm Văn S. Về con chung: giao Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005 cho anh S nuôi dưỡng; Về án phí buộc chị K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Hồng K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn S, anh S có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng K và bị đơn anh Phạm Văn S xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hồng K và anh Phạm Văn S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2006 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, chị yêu cầu được ly hôn, anh S đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn anh S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005.

Chị K yêu cầu giải quyết cho anh S được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị K và anh S không còn sống chung, anh S là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; anh S đồng ý tiếp tục nuôi con; phù hợp với nguyện vọng của cháu N sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh S không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: chị Nguyễn Thị Hồng K và anh Phạm Văn S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng K và anh Phạm Văn S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 13/9/2005 cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh S không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phạm Thị Huỳnh N được sống chung với anh Phạm Văn S.

Chị Nguyễn Thị Hồng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Nguyễn Thị Hồng K và anh Phạm Văn S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị K nộp theo biên lai thu số 0002998 ngày 07/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Thành Trung, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân

